

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2024/DS-ST  
Ngày: 28-9-2024  
V/v: Tranh chấp Hợp đồng  
tín dụng.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Nghĩa;

Ông Trần Đại Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Đức Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần (viết tắt TMCP) S; địa chỉ: số M đường N, Phường K, Quận L, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công T, chức vụ: Phó phòng Giao dịch Nam T - Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Phú Yên; địa chỉ liên hệ: số B đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo văn bản uỷ quyền số 14/2024/CV-PGDNTT ngày 06/8/2024; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Ngô Thị Thế N, sinh năm 1979; cư trú tại: khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1971; cư trú tại: thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2024 và quá trình tố tụng tại Toà án, người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Vợ chồng ông Huỳnh Ngọc T, bà Ngô Thị Thế N có vay vốn tại Ngân hàng TMCP S theo Hợp đồng tín dụng số 202327287629 ngày 24/10/2023 và Giấy nhận nợ số 01 – LD2329900153 ngày 25/10/2023 với số tiền vay 350.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng, mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn trả nợ vay chia thành 180 kỳ và thẻ tín dụng 30.000.000 đồng do bà N đứng tên vay. Tài sản bảo đảm cho khoản vay 350.000.000 đồng là quyền sử dụng đất tại thửa số 1304 tờ bản đồ số 13-A, địa chỉ tại khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 738375 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 19/6/2014 cho bà Ngô Thị Thế N và tài sản gắn liền với đất. Hai bên có lập Hợp đồng thế chấp số 147/TC-2022 ngày 18/10/2022, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số BS01/147/TC-2022 ngày 24/10/2023, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Sau khi vay, bà N, ông T trả nợ đến kỳ thanh toán tháng 01/2024, sau đó, từ kỳ thanh toán ngày 25/02/2024 thì không tiếp tục trả nợ. Hai khoản vay này đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 26/02/2024.

Từ tháng 02/2024, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà N, ông T thanh toán nợ vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký nhưng bà N, ông T không có phản hồi, không trả nợ cho Ngân hàng. Đến ngày 24/4/2024, bà N có liên hệ Ngân hàng cam kết đến ngày 31/5/2024 sẽ thanh toán đầy đủ nợ vay quá hạn nhưng sau thời gian cam kết, bà N, ông T vẫn không trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện thoại, gửi thông báo về việc vi phạm quy định của bên vay nhưng bà N, ông T không phản hồi và không có thiện chí giải quyết nợ vay của vợ chồng. Nay, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T, bà Ngô Thị Thế N phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt tạm tính đến ngày 06/8/2024, tổng cộng là 404.403.237 đồng. Trường hợp vợ chồng ông T, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo quyết định của Toà án thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Ngọc T, bà Ngô Thị Thế N vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu buộc bị đơn ông T, bà N phải trả khoản nợ chung của Hợp đồng tín dụng gồm tiền vay gốc 344.168.000 đồng, tiền lãi trong hạn chuyển sang quá hạn 27.493.298 đồng, lãi quá hạn 848.436 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 827.829 đồng, tổng cộng 373.337.563 đồng. Yêu cầu buộc bà N trả khoản nợ vay Thẻ tín dụng gồm tiền vay gốc 34.171.991 đồng, tiền lãi quá hạn 5.338.683 đồng, tổng cộng: 39.510.674 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật

tổ tụng dân sự; bị đơn vắng mặt không có lý do là không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn, đến ngày 26/02/2024, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay nên khoản vay chuyển sang nợ quá hạn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền gốc là 344.168.000 đồng và tiền lãi trong hạn chuyển sang quá hạn 27.493.298 đồng, lãi quá hạn 848.436 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 827.829 đồng, tổng cộng 373.337.563 đồng là có căn cứ. Đối với khoản vay thẻ tín dụng do bị đơn bà Ngô Thị Thế N vay cá nhân, đến ngày xét xử, bị đơn bà N còn nợ tiền gốc 34.171.991 đồng, tiền lãi quá hạn 5.338,683 đồng nên nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn bà N trả khoản nợ này là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn vợ chồng ông T, bà N phải trả khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng là 373.337.563 đồng và buộc bị đơn bà N phải trả cho nguyên đơn nợ vay thẻ tín dụng số tiền 39.510.674 đồng.

Căn cứ các điều 317, 318, 319, 320, 323 của Bộ luật tố tụng dân sự; nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là 01 nhà ở và đất tại thửa số 1304 tờ bản đồ số 13-A, địa chỉ: khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên để thu hồi nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 202327287629 ngày 24/10/2023; Giấy nhận nợ số 01 – LD2329900153 ngày 25/10/2023 xác định: bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Ngọc T, bà Ngô Thị Thế N có vay của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng, mục đích vay: tiêu dùng, thời hạn trả nợ vay chia thành 180 kỳ, lãi suất 03 tháng đầu tiên là 12%/năm, điều chỉnh lãi suất phù hợp quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bị đơn đã trả tiền lãi đến tháng 01/2024 và đã trả khoản tiền vay gốc 5.832.000 đồng; đến kỳ thanh toán ngày 25/02/2024, bị đơn không tiếp tục thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng nên khoản vay này đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 26/02/2024. Việc bị đơn không trả nợ vay đúng theo thỏa thuận là vi phạm Hợp đồng tín dụng giữa các bên đã ký kết và quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền gốc là 344.168.000 đồng và tiền lãi trong hạn chuyển sang quá hạn 27.493.298 đồng, lãi quá hạn 848.436 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 827.829 đồng, tổng cộng 373.337.563 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Trước đó, ngày 26/10/2022, bị đơn bà Ngô Thị Thế N có ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2344062 với hạn mức 30.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm làm thẻ 30,5%/tháng. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp Thẻ tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn bà Ngô Thị Thế N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 26/02/2024. Tính đến ngày xét xử (ngày 28/9/2024), tiền nợ của bị đơn bà N đối với hợp đồng Thẻ tín dụng gồm tiền gốc 34.171.991 đồng, tiền lãi quá hạn 5.338.683 đồng, tổng cộng 39.510.674 đồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn bà N trả khoản nợ này là có căn cứ. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, buộc bị đơn bà Ngô Thị Thế N phải trả cho nguyên đơn số tiền này.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, xét thấy: Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bị đơn bà Ngô Thị Thế N. Việc thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay 350.000.000 đồng của bị đơn tại Ngân hàng TMCP S được lập thành văn bản và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng trình tự, quy định tại các Điều 298, 318, 319 của Bộ luật Dân sự; bị đơn có ký Cam kết thế chấp toàn bộ diện tích công trình xây dựng trên đất nên Hợp đồng thế chấp số 147/TC-2022 ngày 18/10/2022, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số BS01/147/TC-2022 ngày 24/10/2023 được ký kết giữa các bên phát sinh hiệu lực. Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 187m<sup>2</sup> tại thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 13-A, địa chỉ thửa đất: khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 738375 do Ủy ban nhân dân huyện Tây Hòa cấp ngày 19/6/2014 đứng tên bà Ngô Thị Thế N để thu hồi nợ.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157 của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Ngọc T, bà Ngô Thị Thế N phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 298, 299, 317, 318, 319, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng; các điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Ngọc T, bà Ngô Thị Thế N phải trả nợ vay cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền vay và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng tổng cộng là 373.337.563 (Ba trăm bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi ba) đồng, (Trong đó: tiền vay gốc là 344.168.000 đồng, tiền lãi trong hạn chuyển sang quá hạn 27.493.298 đồng, lãi quá hạn 848.436 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 827.829 đồng).

Buộc bị đơn bà Ngô Thị Thế N phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S tiền vay và tiền lãi theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số tiền là 39.510.674 (Ba mươi chín triệu năm trăm mười nghìn sáu trăm bảy mươi bốn) đồng, (Trong đó: tiền gốc 34.171.991 đồng, tiền lãi quá hạn 5.338.683 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng.

2. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ đối với khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 187m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị thuộc thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 13-A, địa chỉ: khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 738375 do Ủy ban nhân dân huyện Tây H cấp ngày 19/6/2014 cho bà Ngô Thị Thế N và theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Ngọc T, bà Ngô Thị Thế N phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

4. Về án phí:

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc T, bà Ngô Thị Thế N phải chịu 18.667.000 (Mười tám triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn bà Ngô Thị Thế N còn phải chịu thêm 1.976.000 (Một triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản vay Thẻ tín dụng.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 9.858.000 (Chín triệu tám trăm năm mươi tám nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002655 ngày 25/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Khánh Thoa**